

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21- 4- 2020

“V/v tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Quy;
2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX - ST ngày 07 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Ngọc L (tên thường gọi: Đỗ Thị L1), sinh năm: 1978. Nơi cư trú: Ấp Long C, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: Ấp Long C, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- bà Đỗ Thị Ngọc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự quen biết rồi tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp,

ông T thường hay ghen tuông xúc phạm đến bà, ông bà không tin tưởng nhau về tình cảm vợ chồng. Bà đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết Mai, sinh năm 1995, hiện đã thành niên và tự lao động được nên bà không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Ngày 11/3/2020 bà L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, không yêu cầu chia tài sản chung giữa bà với ông Nguyễn Thanh T lý do là ông bà đã tự thỏa thuận được việc chia tài sản nên Tòa án không đặt ra giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà L.

Bà Đỗ Thị Ngọc L và ông Nguyễn Thanh T thống nhất trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản tại Tòa, bị đơn- ông Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng bà L trình bày là đúng nhưng về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa bà L và ông là do nghi ngờ bà L có quan hệ với người đàn ông khác, vợ chồng chung sống không tin tưởng lẫn nhau. Ông đã cố gắng hàn gắn đoàn tụ nhưng không được, ông đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết Mai, sinh năm 1995, hiện đã thành niên và tự lao động được nên ông không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Ông và bà L đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không phát hiện vi phạm về tố tụng của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố không công nhận bà Đỗ Thị Ngọc L

và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng. Về con chung: chị Mai đã thành niên, tự lao động sinh sống được, bà L và ông T không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết yêu cầu chia tài sản chung. Về án phí: bà L phải chịu theo quy định, ông T không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết yêu cầu ly hôn với ông T, ông T có nơi cư trú tại ấp Long C, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên TAND huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền tại điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ngọc L và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng trong suốt thời gian chung sống từ năm 1994 cho đến nay bà L và ông T không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy cần tuyên bố không công nhận bà Đỗ Thị Ngọc L và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết Mai, sinh năm 1995 đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[2.3] Về tài sản chung:

Ngày 11/3/2020 bà L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, không yêu cầu chia tài sản chung giữa bà với ông Nguyễn Thanh T lý do là ông bà đã tự thỏa thuận được việc chia tài sản nên Tòa án đình chỉ việc giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà L.

Tòa án báo cho bà L biết được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu chia tài sản chung giữa bà với ông T theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà L 12.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo biên lai thu số 0014063 ngày 08/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà L và ông T không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc L phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị (nêu trên) phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị Ngọc L và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận bà Đỗ Thị Ngọc L và ông Nguyễn Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết Mai, sinh năm 1995 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về tài sản chung:

Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Đỗ Thị Ngọc L đối với ông Nguyễn Thanh T.

Bà Đỗ Thị Ngọc L có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà L 12.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo biên lai thu số 0014063 ngày 08/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà Đỗ Thị Ngọc L và ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân gia đình, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014063 ngày 08/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí bà Đỗ Thị Ngọc L đã thi hành xong. Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND xã Long Khánh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chu Y